TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2019/DS-PT

Ngày: 12/3/2019

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và tranh chấp tài sản liên quan đến kê biên thi hành án

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thông

Các Thẩm phán: Ông Bùi Văn Phương

Ông Sỹ Danh Đạt

- Thư ký phiên toà: Bà Lâm Hồng Diễm – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Bình Thành - Kiểm sát viên.

Vào các ngày 05 và 12 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 24/2019/TLPT-DS ngày 09 tháng 01 năm 2019, về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và tranh chấp tài sản liên quan đến kê biên thi hành án".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 60/2018/DS-ST ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 40/2019/QĐ-PT ngày 14 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Lê Phước L, sinh năm 1978

Địa chỉ: ấp H, xã H, huyện C, Đồng Tháp.

- Bị đơn: 1. Lê Liêm C, sinh năm 1967

2. Lê Thị Kim A, sinh năm 1971

Cùng địa chỉ: ấp H, xã H, huyện C, Đồng Tháp.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Đoàn Văn L1, sinh năm 1967

2. Nguyễn Văn B, sinh năm 1967

3. Phạm Thị L2, sinh năm 1974

4. Phạm Thị D, sinh năm 1964

Người đại diện theo ủy quyền của bà Phạm Thị D: Bà Phạm Thị L2, sinh năm 1974.

5. Huỳnh Thị L3, sinh năm 1970

6. Trịnh Thị U, sinh năm 1965

7. Bùi Ngọc D1, sinh năm 1966

Cùng địa chỉ: ấp H, xã H, huyện C, Đồng Tháp.

- *Người kháng cáo:* Anh Lê Phước L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn anh Lê Phước L trình bày:*

Ngày 11 tháng 6 năm 2015 anh L có cho vợ chồng anh Lê Liêm C, chị Lê Thị Kim A vay số tiền 200.000.000đ, thời hạn vay là 03 năm tính từ ngày 11/6/2015 đến ngày 11/6/2018, lãi suất hai bên thỏa thuận không tính lãi suất nhưng bên anh C, chị A phải giao đất cho anh L canh tác. Tài sản thế chấp để đảm bảo số tiền vay là thửa đất số 1887, tờ bản đồ số 4 diện tích 2.209m^2 đất trồng cây lâu năm tọa lạc ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Đồng Tháp do anh Lê Liêm C đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 067546 cấp ngày 17/11/2008, hợp đồng vay được lập tại Văn phòng công chứng huyện C. Từ ngày ký hợp đồng đến nay thì đất anh vẫn để cho anh C và chị A canh tác. Anh C, chị A có giao cho anh L giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 067546 ghi tên Lê Liêm C do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 17/11/2008.

Nay thửa đất số 1887 anh C, chị A (thế chấp cho anh L) để vay tiền của những người liên quan và đã bị Chi Cục Thi hành án dân sự huyện C kê biên nên anh L yêu cầu anh Lê Liêm C và chị Lê Thị Kim A liên đới trả cho anh 200.000.000đồng, anh L không yêu cầu tính lãi. Khi nào anh L nhận đủ tiền của anh C, chị A trả thì anh L mới đồng ý trả lại quyền sử dụng đất số AO 067546 cấp ngày 17/11/2008 cho anh C và chị A.

- *Bị đơn anh Lê Liêm C, chị Lê Thị Kim A trình bày*:

Anh C và chị A thừa nhận vào ngày 06/11/2015 anh C, chị A có vay của anh L số tiền 200.000.000 đồng và có thế chấp cho anh L quyền sử dụng đất số AO 067546 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 17/11/2008 cho anh C, thửa đất số 1887, tờ bản đồ số 4 diện tích 2.209m^2 loại đất trồng cây lâu năm tọa lạc ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Đồng Tháp. Lãi suất hai bên thỏa thuận không tính lãi nhưng anh C, chị A phải giao đất cho anh L canh tác. Hợp đồng vay giữa anh C, chị A với anh L được công chứng tại Văn phòng công chứng huyện C. Sau khi vay anh C, chị A có giao cho anh L giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 067546 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 17/11/2008 ghi tên Lê Liêm C, còn đất thì anh C, chị A vẫn canh tác không có giao cho anh L. Hiện nay thửa đất số 1887 thế chấp cho anh L đã bị Chi cục Thi hành án dân sự huyện C kê biên nên anh C, chị A đồng ý trả lại cho anh L

số tiền vay là 200.000.000đ và đồng ý nhận lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khi anh C, chị A trả xong nợ cho anh L.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông Đoàn Văn L1, ông Nguyễn Văn B, bà Phạm Thị L2, Phạm Thị D (bà D ủy quyền cho bà Phạm Thị L2), bà Huỳnh Thị L3, bà Trịnh Thị U đồng trình bày:

Anh C, chị A có nợ tiền của các ông, bà. Việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản đã được Tòa án nhân dân huyện C giải quyết bằng bản án và quyết định hòa giải thành đã có hiệu lực pháp luật. Các ông bà đã có đơn yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự huyện C thi hành cho các ông bà và Chi cục Thi hành án huyện C đã có quyết định cưỡng chế, kê biên thửa đất số 1887 của anh C.

Nay các ông bà không đồng ý việc anh C, chị A thế chấp quyền sử dụng đất thửa 1887 để đảm bảo nợ vay cho anh L. Các ông, bà yêu cầu hủy hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất thửa 1887 giữa anh L với anh C, chị A.

+ Bà Bùi Ngọc D1 trình bày: Trước đây bà có đơn khởi kiện yêu cầu hủy hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất thửa 1887 giữa anh L với anh C, chị A để đảm bảo thi hành án cho bà nhưng nay bản án của bà đã được thi hành xong nên bà xin rút yêu cầu khởi kiện.

- Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 60/2018/DS-ST ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C đã xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của anh Lê Phước L.

2. Buộc anh anh C, chị A liên đới trả cho anh Lê Phước L 200.000.000đ tiền vốn vay.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của anh C, chị A chưa thi hành số tiền trên thì phải chịu lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Chấp nhận yêu cầu của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Đoàn Văn L1, ông Nguyễn Văn B, bà Phạm Thị L2, Phạm Thị D, Huỳnh Thị L3, Trịnh Thị U.

4. Tuyên bố giao dịch thế chấp quyền sử dụng đất giữa anh Lê Phước L với anh C, chị A là giao dịch dân sự vô hiệu.

5. Đình chỉ yêu cầu độc lập của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Bùi Ngọc D1.

6. Về án phí:

Anh Lê Phước L phải chịu 200.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí anh Lê Phước L nộp 5.000.000 đồng theo biên lai số 11879 ngày 22/12/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, anh L được nhận lại 4.800.000 đồng.

Anh C, chị A liên đới chịu 10.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Đoàn Văn L1 được nhận lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 10900 ngày 07/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Ông Nguyễn Văn B được nhận lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 10876 ngày 30/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Bà Phạm Thị L2 được nhận lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 10879 ngày 03/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Bà Phạm Thị D được nhận lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 10879 ngày 03/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Bà Huỳnh Thị L3 được nhận lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 10902 ngày 07/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Bà Trịnh Thị U được nhận lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 10880 ngày 03/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Bà Bùi Ngọc D1 được nhận lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 10903 ngày 07/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

- Ngày 26/11/2018 anh L kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số: 60/2018/DS-ST ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C.

- Tại phiên tòa phúc thẩm anh L phát biểu: Giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, yêu cầu tuyên bố hợp đồng thế chấp ngày 11/6/2015 có hiệu lực và yêu cầu anh C, chị A giao đất, sang tên cho anh sử dụng.

- Tại phiên tòa phúc thẩm anh C, chị A phát biểu: Không có ý kiến đối với yêu cầu kháng cáo của anh L.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu: Từ khi thụ lý vụ án và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án đúng các quy định pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tiến hành đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định pháp luật. Các đương sự chấp hành tốt nội quy phiên tòa. Về đường lối xét xử, Viện kiểm sát đề nghị không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn và Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật của vụ án này là tranh chấp hợp đồng vay tài sản và tranh chấp tài sản liên quan đến việc kê biên thi hành án là phù hợp.

[2] Về nội dung vụ việc, cả hai bên đều thừa nhận có giao dịch vay số tiền 200.000.000đ, thời hạn 03 năm, hai bên làm hợp đồng vay tiền, có công chứng và trong hợp đồng có nội dung thế chấp tài sản là giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 1887.

Xét thấy, yêu cầu của anh L phần vay tài sản có cơ sở nên chấp nhận, buộc anh C, chị A trả lại cho anh L số tiền 200.000.000đ, không yêu cầu trả lãi.

[3] Việc anh L kháng cáo yêu cầu tuyên bố hợp đồng ngày 11/6/2015 có hiệu lực và yêu cầu anh C, chị A giao quyền sử dụng thửa đất số 1887 cho anh L sử dụng và sang tên quyền sử dụng đất cho anh L. Hội đồng xét xử xét thấy:

Theo pháp luật quy định thì cá nhân không đủ điều kiện để giao dịch nhận thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất; việc giao dịch thế chấp quyền sử dụng đất giữa anh C, chị A với anh L không thực hiện đúng trình tự, thủ tục đăng ký đảm bảo giao dịch theo quy định của pháp luật của cơ quan có thẩm quyền. Vì vậy, hợp đồng ngày 11/6/2015 bị vô hiệu một phần đối với phần thế chấp quyền sử dụng đất giữa anh C, chị A với anh L.

Đồng thời thửa đất số 1887 đã bị UBND huyện C ra quyết định số 852/QĐ-UBND ngày 06/11/2017 về việc hủy giấy chứng nhận QSD đất ghi tên anh Lê Liêm C, ngụ xã H, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Do đó, các yêu cầu kháng cáo của anh L không có cơ sở để chấp nhận.

Vì các nhận định trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của anh L, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Anh L phải nộp án phí dân sự phúc thẩm.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được nhận lại tiền tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Không chấp nhận kháng cáo của anh Lê Phước L.

- Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Áp dụng các Điều 122, 124, 127, 134, 135, 137, 471, 474 Bộ luật dân sự năm 2005; Khoản 1 Điều 217, Điều 147 và khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 về án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của anh Lê Phước L.

2. Buộc anh Lê Liêm C và chị Lê Thị Kim A liên đới trả cho anh Lê Phước L số tiền vốn vay 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng).

Kể từ khi bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền trên thì phải chịu trả lãi theo mức lãi suất chậm trả quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự vào từng thời điểm thi hành án, đối với số tiền chưa thi hành xong.

3. Chấp nhận yêu cầu của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đoàn Văn L1, ông Nguyễn Văn B, bà Phạm Thị L2, Phạm Thị D, Huỳnh Thị L3, Trịnh Thị U về việc yêu cầu tuyên bố hợp đồng ngày 11/6/2015 bị vô hiệu phần thế chấp tài sản.

4. Tuyên bố giao dịch phần thế chấp quyền sử dụng thửa đất 1887 (đất ghi tên anh Lê Liêm C, ngụ xã H, huyện C, tỉnh Đồng Tháp) giữa anh Lê Phước L với anh Lê Liêm C và chị Lê Thị Kim A là giao dịch dân sự vô hiệu.

5. Đình chỉ giải quyết vụ án phần yêu cầu độc lập của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Bùi Ngọc D1 do bà D1 rút đơn khởi kiện.

6. Về án phí:

- Anh Lê Phước L phải chịu 200.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 5.000.000đ theo biên lai số 11879 ngày 22/12/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, nên anh L được nhận lại 4.800.000 đồng.

Anh Lê Phước L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ theo biên lai số 03619 ngày 26/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

- Anh Lê Liêm C và chị Lê Thị Kim A liên đới chịu 10.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Đoàn Văn L1 được nhận lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 10900 ngày 07/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

- Ông Nguyễn Văn B được nhận lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 10876 ngày 30/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

- Bà Phạm Thị Liên được nhận lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 10879 ngày 03/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

- Bà Phạm Thị D được nhận lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 10878 ngày 03/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

- Bà Huỳnh Thị L được nhận lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 10902 ngày 07/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

- Bà Trịnh Thị U được nhận lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 10880 ngày 03/7/2017 của Chi cục Thi hành án dan sự huyện C.

- Bà Bùi Ngọc D1 được nhận lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 10903 ngày 07/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự

nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận*:**
- Phòng KT TAND Tỉnh ĐT;
- VKSND Tỉnh ĐT;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Thông